

# THỰC TRẠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Đặng Văn Phúc, Bùi Thị Tuyết Mai, Lê Thị Bích Hạ, Thào Thị La, Lèo Thị Thu Trang  
Trường ĐH Giáo dục- ĐHQGHN

**Tóm tắt:** Giáo dục mầm non đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển toàn diện của trẻ em, và âm nhạc là một công cụ giáo dục mạnh mẽ trong giai đoạn này. Tuy nhiên, sinh viên ngành Giáo dục mầm non gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động âm nhạc, đặc biệt là việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn. Điều này đòi hỏi sự đánh giá và cải tiến năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc của sinh viên. Nghiên cứu này chỉ ra rằng năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc của sinh viên tại Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội có sự phân hóa. Năng lực đánh giá và điều chỉnh được đánh giá cao nhất, tiếp theo là năng lực thực hiện và thiết kế, trong khi năng lực âm nhạc nền tảng còn hạn chế, đặc biệt là trong việc sử dụng nhạc cụ và hát đúng cao độ – trường độ. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết phải cải thiện kỹ năng âm nhạc nền tảng của sinh viên, đặc biệt là khả năng sử dụng nhạc cụ. Các chương trình đào tạo cần chú trọng kết hợp lý thuyết với thực hành và ứng dụng công nghệ vào giảng dạy để nâng cao năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc, đáp ứng yêu cầu giáo dục mầm non trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** Năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc, giáo dục mầm non, sinh viên Giáo dục mầm non, phương pháp giảng dạy âm nhạc.

## CURRENT STATUS OF THE COMPETENCE IN ORGANIZING MUSICAL ACTIVITIES AMONG EARLY CHILDHOOD EDUCATION STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF EDUCATION, VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

**Abstract:** Early childhood education plays an important role in children's holistic development, and music is a powerful educational tool at this stage. However, students majoring in Early Childhood Education face many difficulties in organizing musical activities, particularly in applying theory to practice. This calls for an assessment and improvement of students' competence in organizing musical activities. This study shows that the competence in organizing musical activities among students at the University of Education, Vietnam National University, Hanoi varies across different components. The competence in evaluation and adjustment is rated the highest, followed by implementation and design competence, while foundational musical competence remains limited, especially in using musical instruments and singing with accurate pitch and rhythm. The findings emphasize the need to improve students' foundational musical skills, particularly their ability to use musical instruments. Training programs should focus on combining theory with practice and applying technology in teaching to enhance students' competence in organizing musical activities, meeting the requirements of early childhood education in the current context.

**Keywords:** competence in organizing musical activities; early childhood education; early childhood education students; music teaching methods.

Nhận bài: 15/04/2026

Phản biện: 12/05/2026

Duyệt đăng: 16/05/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành và phát triển nhân cách con người. Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục tại Việt Nam, việc nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non trở thành một yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), giáo dục âm nhạc là một trong những lĩnh vực phát triển thẩm mỹ có ý nghĩa đặc biệt, góp phần phát triển cảm xúc, trí tuệ, ngôn ngữ và khả năng sáng tạo của trẻ (Ministry of Education and Training [MOET], 2021). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc tham gia các hoạt động âm nhạc giúp trẻ phát triển khả năng nhận thức, kỹ năng xã hội và điều chỉnh cảm xúc một cách hiệu quả (Blasco et al., 2021; Denac et al, 2025).

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, giáo viên mầm non không chỉ cần có kiến thức chuyên môn mà còn phải có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ. Đặc biệt, năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc được xem là một thành tố quan trọng trong năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non, bao gồm khả năng thiết kế, tổ chức, điều hành và đánh giá các hoạt động âm nhạc phù hợp với trẻ (Pan & Luen, 2024). Tuy nhiên, thực tế đào tạo cho thấy sinh viên ngành Giáo dục mầm non vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc vận dụng kiến thức âm nhạc vào thực tiễn tổ chức hoạt động cho trẻ.

Một số nghiên cứu khác cũng chỉ ra sự cần thiết của giáo viên trong giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non, đặc biệt là tổ chức và quản lý hoạt động âm nhạc độc lập của trẻ (Moroz-Rekotova, 2022). Bên cạnh đó, chương trình đào tạo ở một số cơ sở giáo dục đại học còn nặng về lý thuyết, thiếu cơ hội thực hành, dẫn đến việc sinh viên chưa phát triển đầy đủ năng lực nghề nghiệp cần thiết (Vuijicic, 2021).

Tại Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội, ngành Giáo dục mầm non đã và đang chú trọng đổi mới chương trình đào tạo theo hướng phát triển năng lực. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu đánh giá một cách hệ thống thực trạng năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc của sinh viên, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực này trong bối cảnh cụ thể của nhà trường. Điều này đặt ra yêu cầu cần có những nghiên cứu khoa học nhằm cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc điều chỉnh chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy.

Xuất phát từ những lý do trên, nhóm tác giả đã chọn nghiên cứu đề tài “Thực trạng năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc của sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội” là cần thiết và có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ cơ sở lý luận về năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc mà còn cung cấp bằng chứng thực tiễn nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non trong giai đoạn hiện nay.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu

#### 2.1.1. Vai trò và yêu cầu năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc trong giáo dục mầm non

Trong những năm gần đây, vấn đề phát triển năng lực tổ chức hoạt động giáo dục nói chung và hoạt động âm nhạc nói riêng đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Các công trình nghiên cứu đều thống nhất rằng âm nhạc giữ vai trò quan trọng trong giáo dục mầm non, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu nâng cao năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc cho giáo viên và sinh viên ngành giáo dục mầm non.

Theo hướng tiếp cận giáo dục hiện đại, nhiều nghiên cứu cho rằng chất lượng giáo dục mầm non phụ thuộc đáng kể vào năng lực tổ chức hoạt động của người giáo viên. Trong đó, năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc được xem là một thành tố quan trọng góp phần hình thành môi trường giáo dục

tích cực và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ (Djurđjanovic, 2017). Quan điểm này nhấn mạnh vai trò chủ thể của giáo viên trong quá trình học tập và phát triển của trẻ, nhưng nguồn lực hạn chế và thiếu năng khiếu âm nhạc cản trở các hoạt động hướng đến trẻ em (Rajan, 2017), âm nhạc không chỉ là một lĩnh vực nghệ thuật mà còn là phương tiện giáo dục hiệu quả giúp phát triển toàn diện cho trẻ nhỏ. Nghiên cứu này nhấn mạnh rằng giáo viên mầm non cần có năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động như hát, vận động theo nhạc, nghe nhạc và sáng tạo âm nhạc nhằm tạo ra môi trường học tập giàu tính trải nghiệm. Điều này cũng có quan điểm cho rằng năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc là một thành tố thiết yếu của năng lực nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Bên cạnh đó, một số nghiên cứu tiếp cận theo hướng tích hợp cho rằng hoạt động âm nhạc không tồn tại độc lập mà có mối liên hệ chặt chẽ với các lĩnh vực phát triển khác. Theo Ruokonen và cộng sự (2021), giáo dục âm nhạc trong giáo dục và chăm sóc trẻ nhỏ giúp tăng cường sự tham gia, biểu lộ cảm xúc, khả năng thích ứng xã hội và tương tác với người lớn của trẻ. Từ đó, các nhà nghiên cứu cho rằng năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc cần được nhìn nhận như một năng lực tích hợp, đòi hỏi sự kết hợp giữa kiến thức chuyên môn và kỹ năng sư phạm. Theo Gordon (2012) với Lý thuyết Học tập Âm nhạc (Music Learning Theory) đã chỉ ra rằng việc tổ chức các hoạt động âm nhạc phù hợp với giai đoạn phát triển của trẻ có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cảm thụ và tư duy âm nhạc. Nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò của giáo viên trong việc xây dựng môi trường âm nhạc phong phú, qua đó khẳng định tầm quan trọng của năng lực sư phạm chuyên biệt trong tổ chức hoạt động âm nhạc. Nghiên cứu của Shulman (1987), khoảng cách giữa tri thức và thực hành là một trong những thách thức lớn trong đào tạo giáo viên.

#### 2.1.2. Thực trạng năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc của giáo viên và sinh viên

Các nghiên cứu về tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non còn hạn chế, tuy nhiên cũng có một số nghiên cứu nhấn mạnh tác dụng này. Tác giả Phạm Thị Yên và cộng sự (2022) cho rằng sinh viên ngành Giáo dục mầm non cần được trang bị đầy đủ năng lực để có thể tổ chức hiệu quả các hoạt động này trong thực tiễn giảng dạy. Cũng theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Hà và cộng sự (2025) cho thấy, trong khi hầu hết giáo viên tự

đánh giá năng lực của mình ở mức khá, đặc biệt là về năng lực nhận thức và thái độ nghề nghiệp, thi quan sát lớp học, thảo luận và phỏng vấn đã chỉ ra những hạn chế đáng kể trong kỹ năng giảng dạy thực tiễn. Những thiếu sót này thể hiện rõ khả năng của giáo viên trong việc điều chỉnh kế hoạch bài học dựa trên dữ liệu đánh giá, đáp ứng nhu cầu của từng trẻ, bao gồm cả trẻ khuyết tật và trẻ có nhu cầu đặc biệt.

Một hướng nghiên cứu khác tập trung vào việc đánh giá thực trạng năng lực của sinh viên ngành giáo dục mầm non. Các nghiên cứu này chỉ ra rằng mặc dù sinh viên đã được trang bị kiến thức lý thuyết, nhưng vẫn gặp khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, đặc biệt là hoạt động âm nhạc. Điều này cho thấy việc đánh giá thực trạng năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc của sinh viên là cần thiết nhằm xác định những hạn chế và đề xuất giải pháp phù hợp. Nghiên cứu của Lê Thu Trang (2021) cho thấy những khó khăn trong hoạt động tổ chức âm nhạc như đồ dùng âm nhạc đã cũ, hay chính khả năng sử dụng nhạc cụ

đàn. Ngoài ra, trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, nhiều nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của việc ứng dụng công nghệ trong tổ chức hoạt động âm nhạc. Việc sử dụng các công cụ số, video, phần mềm âm nhạc không chỉ giúp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động mà còn góp phần phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Tuy nhiên, khả năng ứng dụng công nghệ của sinh viên vẫn còn chưa đồng đều, đòi hỏi cần có những giải pháp đào tạo phù hợp.

## 2.2. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm đánh giá năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc của sinh viên ngành Giáo dục mầm non. Dữ liệu thu thập từ hai nguồn chính: phỏng vấn sâu với 03 giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy tổ chức hoạt động âm nhạc và khảo sát 169 sinh viên từ năm 1 đến năm 4 của Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội. Kết quả nghiên cứu được tổng hợp trên 4 khía cạnh chính: Năng lực đánh giá và điều chỉnh, năng lực thực hiện, năng lực thiết kế và năng lực âm nhạc nền tảng trong tổ chức hoạt động âm nhạc.

**Bảng 1. Thống kê mô tả các thang đo chính (N = 169)**

Thang đo	Số biến	Mean	SD
EVA – Năng lực đánh giá và điều chỉnh	5	3.699	0.776
IMP – Năng lực thực hiện	6	3.634	0.752
DES – Năng lực thiết kế	5	3.589	0.786
MUS – Năng lực âm nhạc nền tảng	5	3.364	0.761

## 2.3. Năng lực âm nhạc nền tảng

Kết quả thống kê cho thấy năng lực âm nhạc nền tảng của sinh viên đạt điểm trung bình 3.364, là mức thấp nhất trong bốn nhóm năng lực được khảo sát. Điều này cho thấy, so với các thành tố thiên về tổ chức sư phạm, phần kỹ năng âm nhạc cốt lõi vẫn là mặt còn hạn chế

hơn trong tự đánh giá của người học. Tuy nhiên, mức điểm này vẫn cao hơn mức trung bình lý thuyết của thang đo, nghĩa là sinh viên không đánh giá năng lực âm nhạc của mình ở mức yếu, mà ở mức trung bình khá; vấn đề nằm ở chỗ mặt năng lực này chưa thật sự nổi bật so với các năng lực còn lại.

**Bảng 2. Năng lực âm nhạc nền tảng (MUS)**

Mã biến	Nội dung	Mean	SD
MUS5	Tôi có thể lựa chọn bài hát phù hợp với độ tuổi mầm non	3.923	0.886
MUS2	Tôi có khả năng cảm nhận và thể hiện giai điệu phù hợp với trẻ mầm non	3.491	0.952
MUS4	Tôi có khả năng sáng tạo động tác vận động theo nhạc	3.343	1.024
MUS1	Tôi hát đúng cao độ và trường độ	3.077	0.932
MUS3	Tôi có thể sử dụng một số nhạc cụ đơn giản trong hoạt động âm nhạc	2.988	1.113

Phân tích từng biến quan sát cho thấy nội dung có điểm cao nhất là khả năng lựa chọn bài hát phù hợp với độ tuổi mầm non với Mean = 3.923; SD =

0.886. Đây là một kết quả có ý nghĩa thực tiễn vì việc chọn bài hát phù hợp là năng lực gắn trực tiếp với yêu cầu nghề nghiệp của giáo viên mầm non

và có thể đã được sinh viên tiếp cận khá thường xuyên trong quá trình học tập. Đúng thứ hai trong nhóm này là khả năng cảm nhận và thể hiện giai điệu phù hợp với trẻ mầm non với Mean = 3.491; SD = 0.952, cho thấy sinh viên nhìn chung có sự nhạy cảm nhất định với đặc trưng âm nhạc dành cho trẻ. Khả năng sáng tạo động tác vận động theo nhạc đạt Mean = 3.343; SD = 1.024, ở mức trung bình khá nhưng độ phân tán tương đối lớn, phản ánh sự không đồng đều giữa các sinh viên trong khả năng sáng tạo vận động.

Đáng chú ý, hai nội dung có điểm thấp nhất trong toàn bộ nhóm MUS là hát đúng ca độ và trường độ (Mean = 3.077; SD = 0.932) và đặc biệt là sử dụng một số nhạc cụ đơn giản trong hoạt động âm nhạc (Mean = 2.988; SD = 1.113). Đây là biến duy nhất trong toàn bộ bảng có điểm trung bình thấp hơn 3.0, đồng thời có độ lệch chuẩn cao nhất trong nhóm MUS. Kết quả này cho thấy kỹ năng nhạc cụ là điểm yếu tương đối rõ trong tự đánh giá của sinh viên, đồng thời mức độ chênh lệch giữa các cá nhân cũng lớn hơn so với các nội dung khác. Nói cách khác, có một bộ phận sinh viên tương đối tự tin với nội dung này, nhưng cũng có một bộ phận đáng kể tự đánh giá còn hạn chế.

Từ các số liệu trên có thể thấy rằng năng lực

âm nhạc của sinh viên mang đặc điểm mạnh hơn ở bình diện lựa chọn, cảm nhận và thích ứng với đối tượng trẻ, nhưng yếu hơn ở bình diện kỹ thuật biểu hiện âm nhạc trực tiếp, nhất là kỹ năng nhạc cụ và độ chính xác khi hát. Một giảng viên cũng cho rằng: “Điều này phản ánh một khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành. Sinh viên thường thiếu tự tin vào khả năng âm nhạc của mình, đặc biệt khi phải sử dụng nhạc cụ trong hoạt động với trẻ”. Đây là một mô tả quan trọng vì nó chỉ ra rằng nền tảng âm nhạc của sinh viên chưa phát triển đồng đều giữa hiểu biết ứng dụng và kỹ năng thực hành cá nhân.

#### 2.4. Năng lực thiết kế (DES)

Năng lực thiết kế đạt mức 3.589, phản ánh sinh viên nhìn chung đã có khả năng xây dựng cấu trúc cơ bản cho một hoạt động âm nhạc. Trong nhóm này, nội dung nổi bật nhất là xác định mục tiêu phù hợp với trẻ (Mean = 3.846; SD = 0.919). Kết quả này cho thấy phần định hướng mục tiêu giáo dục là mặt tương đối vững hơn trong nhận thức chuyên môn của sinh viên. Tiếp theo là lựa chọn nội dung phù hợp với độ tuổi (Mean = 3.615; SD = 0.970), phù hợp với đặc trưng đào tạo giáo viên mầm non, nơi nguyên tắc phù hợp với lứa tuổi luôn là một yêu cầu cốt lõi.

**Bảng 3. Năng lực thiết kế (DES)**

Mã biến	Nội dung	Mean	SD
DES2	Tôi xác định được mục tiêu phù hợp với trẻ	3.846	0.919
DES3	Tôi lựa chọn nội dung phù hợp với độ tuổi	3.615	0.970
DES5	Tôi xây dựng được tiến trình hoạt động hợp lý	3.527	0.900
DES1	Tôi có thể xây dựng kế hoạch hoạt động âm nhạc rõ ràng	3.527	0.945
DES4	Tôi thiết kế được trò chơi âm nhạc	3.432	0.980

Nhìn bảng, các nội dung như xây dựng kế hoạch hoạt động âm nhạc rõ ràng (Mean = 3.527; SD = 0.945), xây dựng tiến trình hoạt động hợp lý (Mean = 3.527; SD = 0.900) và đặc biệt là thiết kế trò chơi âm nhạc (Mean = 3.432; SD = 0.980) có điểm thấp hơn. Điều này cho thấy sinh viên có xu hướng nắm được mục tiêu và nội dung tốt hơn là chuyển các ý tưởng đó thành một thiết kế hoàn chỉnh, sinh động và có cấu trúc sư phạm linh hoạt. Việc thiết kế trò chơi âm nhạc là nội dung thấp nhất trong nhóm DES cũng phản ánh đây là kỹ năng đòi hỏi tích hợp đồng thời yếu tố âm nhạc, tâm lý lứa tuổi và tổ chức lớp học, nên khó hơn so với xác định mục tiêu hoặc chọn nội dung. Một

giảng viên cũng nhấn mạnh: “Thiết kế hoạt động không chỉ là việc lựa chọn nội dung âm nhạc mà còn phải kết hợp với phương pháp sư phạm để phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ”.

#### 2.5. Năng lực thực hiện (IMP)

Năng lực thực hiện đạt 3.634, đứng thứ hai trong ba hợp phần của năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc (thiết kế, thực hiện, đánh giá-điều chỉnh). Nội dung có điểm cao nhất là tổ chức tốt hoạt động vận động theo nhạc (Mean = 3.734; SD = 0.890), sau đó là quản lý lớp học hiệu quả trong giờ âm nhạc (Mean = 3.698; SD = 0.858) và biết cách tạo hứng thú cho trẻ (Mean = 3.657; SD = 0.900). Các kết quả này cho thấy sinh viên tương đối tự tin với

những biểu hiện mang tính tương tác trực tiếp và điều hành hoạt động, đặc biệt là những nội dung gần với thực tiễn lớp học mầm non.

Tuy nhiên, một số biểu hiện khác lại có mức điểm thấp hơn, nhất là tự tin khi tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ (Mean = 3.527; SD = 0.920) và xử lý linh hoạt các tình huống phát sinh (Mean = 3.592; SD = 0.909). Dù không thấp, các chỉ số này gợi ra rằng năng lực thực hiện của sinh viên vẫn thiên về thực hiện các nhiệm vụ đã định hình hơn là xử lý các tình huống biến đổi trong thực tế. Việc điểm tự tin tổ chức chưa thật sự cao cũng cho thấy khoảng cách nhất định giữa kiến thức đã học và sự vững vàng khi bước vào vai trò tổ chức độc lập trước trẻ.

### 2.6. Năng lực đánh giá và điều chỉnh (EVA)

Trong ba thành tố, năng lực đánh giá – điều chỉnh đạt mức cao nhất với 3.699. Nội dung nổi bật nhất là phản hồi tích cực cho trẻ (Mean = 3.775; SD = 0.871), tiếp theo là nhận xét được hiệu quả hoạt động (Mean = 3.728; SD = 0.898) và hai nội dung đồng mức là điều chỉnh phương pháp khi trẻ chưa hứng thú và rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động (cùng Mean = 3.698). Điểm số này cho thấy sinh viên có xu hướng tự đánh giá khá tốt ở năng lực phân tư sư phạm, bao gồm quan sát, nhận xét và điều chỉnh hoạt động sau hoặc trong quá trình triển khai.

Nội dung có điểm thấp nhất trong nhóm EVA là đánh giá được mức độ tham gia của trẻ (Mean = 3.598; SD = 0.915). Điều này cho thấy việc đọc được mức độ tham gia thực tế của trẻ trong hoạt động có thể là khâu khó hơn so với việc đưa ra phản hồi tích cực hoặc tự rút kinh nghiệm cho bản thân. Nói cách khác, sinh viên có vẻ thuận lợi hơn ở bình diện phản hồi sư phạm nói chung, nhưng việc đánh giá chính xác trạng thái tham gia của từng trẻ trong bối cảnh lớp học vẫn đòi hỏi thêm kinh nghiệm quan sát và thực hành.

Nhìn tổng thể, năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc của sinh viên có thể được mô tả là khá hơn năng lực âm nhạc nền tảng, và trong nội bộ nhóm này thì đánh giá – điều chỉnh là phần nổi trội nhất, còn thiết kế là phần thấp hơn tương đối. Một giảng viên nhận xét: “Sinh viên có khả năng đưa ra phản hồi tích cực cho trẻ khá tốt, nhưng lại thiếu khả năng đánh giá chính xác mức độ tham gia của trẻ trong các hoạt động”. Điều đó cho thấy sinh viên có thể đã hình thành một số kỹ năng sư phạm ứng dụng, nhưng phần nền tảng âm nhạc và phần thiết kế hoạt động vẫn cần được củng cố để bảo đảm tính đồng bộ của năng lực nghề nghiệp.

### III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã chỉ ra thực trạng năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc của sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội. Kết quả cho thấy mặc dù sinh viên đã có sự tiến bộ trong một số lĩnh vực như lựa chọn bài hát và thể hiện giai điệu phù hợp với trẻ, nhưng năng lực âm nhạc nền tảng, khả năng sử dụng nhạc cụ và thiết kế hoạt động âm nhạc vẫn còn nhiều hạn chế. Điều này đòi hỏi sự chú trọng hơn nữa vào việc phát triển các kỹ năng thực hành, đặc biệt là kỹ năng sử dụng nhạc cụ và sáng tạo trong thiết kế hoạt động âm nhạc.

Để nâng cao năng lực tổ chức hoạt động âm nhạc cho sinh viên, cần có các chương trình đào tạo thực tiễn hơn, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ trong giáo dục âm nhạc. Việc này không chỉ giúp sinh viên tự tin hơn trong việc tổ chức hoạt động âm nhạc mà còn thúc đẩy sự sáng tạo và khả năng tự điều chỉnh trong công việc giảng dạy. Bên cạnh đó, việc xây dựng các mô hình giảng dạy linh hoạt và sáng tạo sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non trong tương lai, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Blasco-Magraner, J., Bernabé-Valero, G., Marín-Liévana, P., & Moret-Tatay, C. (2021). Effects of the Educational Use of Music on 3- to 12-Year-Old Children's Emotional Development: A Systematic Review. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 18. <https://doi.org/10.3390/ijerph18073668>.
- Denac, O., Germ, I., & Žnidaršič, J. (2025). Encouraging Social and Emotional Learning in Preschool Children Through Carrying Out Musical Activities in the Daily Routine. *Center for Educational Policy Studies Journal*. <https://doi.org/10.26529/cepsj.2013>.
- Pan, X., & Luen, L. (2024). Essential Experience and Skills for Successful Music Teaching in Preschool Education.

*International Journal of Academic Research in Progressive Education and Development*. <https://doi.org/10.6007/ijarped/v13-i1/20182>.

MOROZ-REKOTOVA, L. (2022). FORMATION OF MUSIC SKILLS OF A PRE-SCHOOL EDUCATIONAL INSTITUTION TEACHER. *Scientific papers of Berdiansk State Pedagogical University Series Pedagogical sciences*.

Vujičić, L. (2021). EARLY CHILDHOOD CURRICULUM: FROM CONCEPTUAL CLARITY TOWARDS THE RESEARCH OF PERSONAL PRACTICE. *INTED2021 Proceedings*. <https://doi.org/10.21125/inted.2021.1901>.

Ruokonen, I., Tervaniemi, M., & Reunamo, J. (2021). The significance of music in early childhood education and care of toddlers in Finland: an extensive observational study. *Music Education Research*, 23, 634 - 646. <https://doi.org/10.1080/14613808.2021.1965564>.

Rajan, R. (2017). Preschool Teachers' Use of Music in the Classroom: A Survey of Park District Preschool Programs. *Journal of Music Teacher Education*, 27, 102 - 89. <https://doi.org/10.1177/1057083717716687>.

Djurđjanović, M., & Stošić, I. (2017). *PRESCHOOL TEACHERS AND THEIR LEVELS OF INTEREST IN DEVELOPING MUSICAL COMPETENCIES*. , 015-027.

Lizačić, V., & Sušić, B. (2021). Contribution of Children's Self- Organised Musical Activities to the Lifelong Learning of Preschool Teachers / Doprinos djetetovih samoorganiziranih glazbenih aktivnosti cjeloživotnom učenju odgojitelja. *Croatian Journal of Education - Hrvatski časopis za odgoj i obrazovanje*. <https://doi.org/10.15516/cje.v22i0.3911>.

Yen, P., Hung, P., Huong, N., Vuong, N., & Nga, T. (2022). Assessment of the Professional Competencies of Students Majoring in Early Childhood Education at Some Universities in Vietnam Today. *American Journal of Educational Research*. <https://doi.org/10.12691/education-10-9-10>.

Ha, NTT ., Trang, NT ., Minh, VTN ., Bích, NTC ., Trinh, NTM ., & Giang, VTH . (2025). *Hiện trạng năng lực chuyên môn của giáo viên mầm non đáp ứng việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non dựa trên năng lực tại Việt Nam*. Khoa học và Công nghệ Ứng dụng Edelweiss , 9 (6), 1577–1595. <https://doi.org/10.55214/25768484.v9i6.8197>

Shulman, Lee, Shulman (1987), Knowledge and teaching: Foundations of the new reform, *Harvard Educational Review*, 57(1), 1–22. <https://doi.org/10.17763/haer.57.1.j463w79r56455411>

Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Chương trình giáo dục mầm non*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.